

NỀN KHOA CỬ VIỆT NAM QUA DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI - MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN

NGỌC LINH

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần kíp”¹. Trải qua các triều đại để xây dựng quốc gia độc lập, tự chủ và hưng thịnh, đều cần có một nền giáo dục tiên tiến để đào tạo nhân tài cho đất nước. Đây là mối quan tâm hàng đầu của mỗi triều đại trong lịch sử Việt Nam.

1. Sự thành lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Có thể nói, lịch sử khoa cử Việt Nam hoạt động có quy mô và phép tắc rõ ràng được bắt đầu kể từ triều Lý. Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho thành lập Văn Miếu, nằm ở phía Nam thành Thăng Long. “Tháng 8, mùa thu. Mới lập nhà Văn Miếu, tạc tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ Phối vẽ hình tượng Thất thập nhị hiền bày ở Văn Miếu, bốn mùa tế lễ. Sai Hoàng thái tử tới đó học tập”². Người học trò đầu tiên là Thái tử Lý Cán Đức, con trai vua Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan.

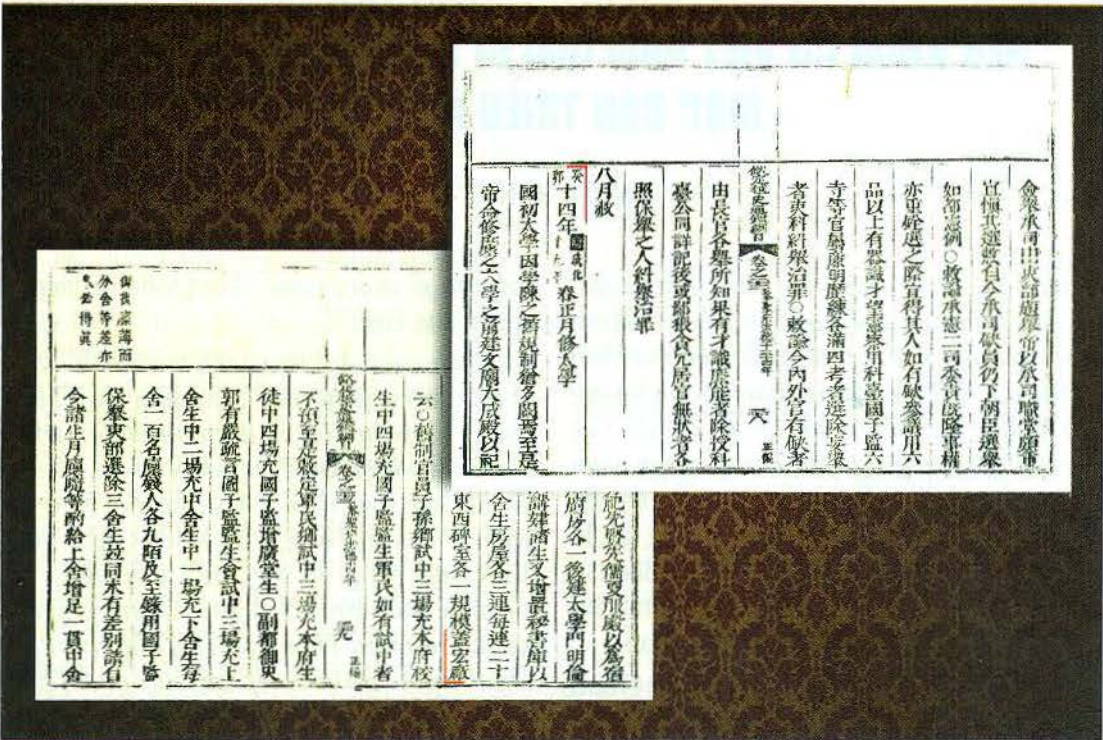
Khi đất nước bước sang giai đoạn thịnh trị thái bình, vua Lý Thánh Tông bắt đầu sửa sang việc học. Đặc biệt, đến đời vua Lý Nhân Tông vào năm 1076 đã cho “Lập nhà Quốc Tử Giám; tuyển trong các văn thân lấy những người có văn học, bổ vào đó”³. Văn Miếu - Quốc Tử Giám được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam kể từ đây.

Đến triều nhà Trần, nền giáo dục và khoa cử rất được quan tâm, củng cố và mở rộng đối tượng học tập. Năm 1253, vua Trần Thái Tông đã đổi tên Quốc Tử Giám thành Quốc Học viện “Tháng 6, lập Quốc Học viện. Đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á Thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền để thờ. Mùa thu, tháng 8, lập Giảng võ đường. Tháng 9, xuống chiếu

vời nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện giảng tứ thư lục kinh”⁴.

Đến triều đại nhà Lê Sơ, các nhà vua thời kì này luôn quan tâm giáo dục, Lê Thái Tông khẳng định “muốn có được nhân tài, trước hết phải lựa chọn kẻ sĩ, mà kén chọn kẻ sĩ, phải lấy thi cử làm đầu”⁵. Có thể nói vào thời kì vua Lê Thánh Tông, Văn Miếu Quốc Tử Giám được mở rộng về quy mô, đây cũng là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất. “Tháng Giêng, mùa Xuân. Sửa nhà Thái học. Hoi đầu triều Lê, nhà Thái học vẫn theo nếp cũ của nhà Trần, quy chế phân nhiều còn thiếu thốn. Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho sửa rộng thêm ra, đằng trước nhà Thái học dựng Văn Miếu. Khu vũ của Văn Miếu có: Điện Đại Thành để thờ tiên thánh; Đông vũ và Tây vũ chia ra thờ các tiên hiền và tiên nho; điện Canh Phục để làm nơi túc yết; một kho để chứa đồ tế khí và một phòng học để làm nhà bếp. Đằng sau nhà Thái học, dựng cửa Thái học, nhà Minh Luân. Giảng đường phía Đông và giảng đường phía Tây thì để làm chỗ giảng dạy các học sinh. Lại đặt thêm kho bí thư để chức văn gổ đã khắc thành sách; bên Đông, bên Tây nhà Thái học làm nhà cho học sinh trong ba xá, mỗi bên ba dãy, mỗi dãy 25 gian, để làm chỗ nghỉ ngơi của học sinh; bên Đông, bên Tây mỗi bên đều có một nhà bia, quy mô có phần rộng lớn khang trang lắm”⁶.

Trải qua những biến thiên của lịch sử, nhà Lê Sơ rồi đến Hậu Lê, Văn Miếu - Quốc Tử Giám cũng trải qua những thăng trầm lịch sử, mặc dù vậy các nhà vua cũng không bao giờ thôi quan tâm đến việc giáo dục thi cử. Năm 1662, vua Lê Thần Tông cho tu sửa và mở rộng nhà Thái học “Lúc ấy, cung tường nhà Thái học, phần nhiều đổ nát, bèn hạ lệnh cho Lê Bộ thượng thư Phạm Công Trứ trông coi việc thờ tự ở Quốc Tử Giám, gia công sửa chữa, quy mô rộng rãi khang trang; lại ngày



Vua Lê Thánh Tông cho tu sửa, mở rộng Văn Miếu - Quốc Tử Giám và cho dựng nhà Bia, năm 1483
(Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 23, mặt khắc 38,39)
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV



Vua Lê Thần Tông cho tu sửa và mở rộng nhà Thái học, năm 1662
(Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 32, mặt khắc 40)
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

mồng một và ngày rằm hàng tháng hội hợp các học trò để tập văn bài. Từ đây phong khí nhà nho có phần phần khởi”.

Có thể nói, trải qua các thời kỳ lịch sử Văn Miếu – Quốc Tử Giám đã trở thành biểu tượng trường tồn trong tiến trình phát triển văn hóa của dân tộc, nơi đây đã ghi dấu công sức của các triều đại phong kiến Việt Nam với việc vun đắp, tu sửa - nơi được xem là nền quốc học của đất nước.

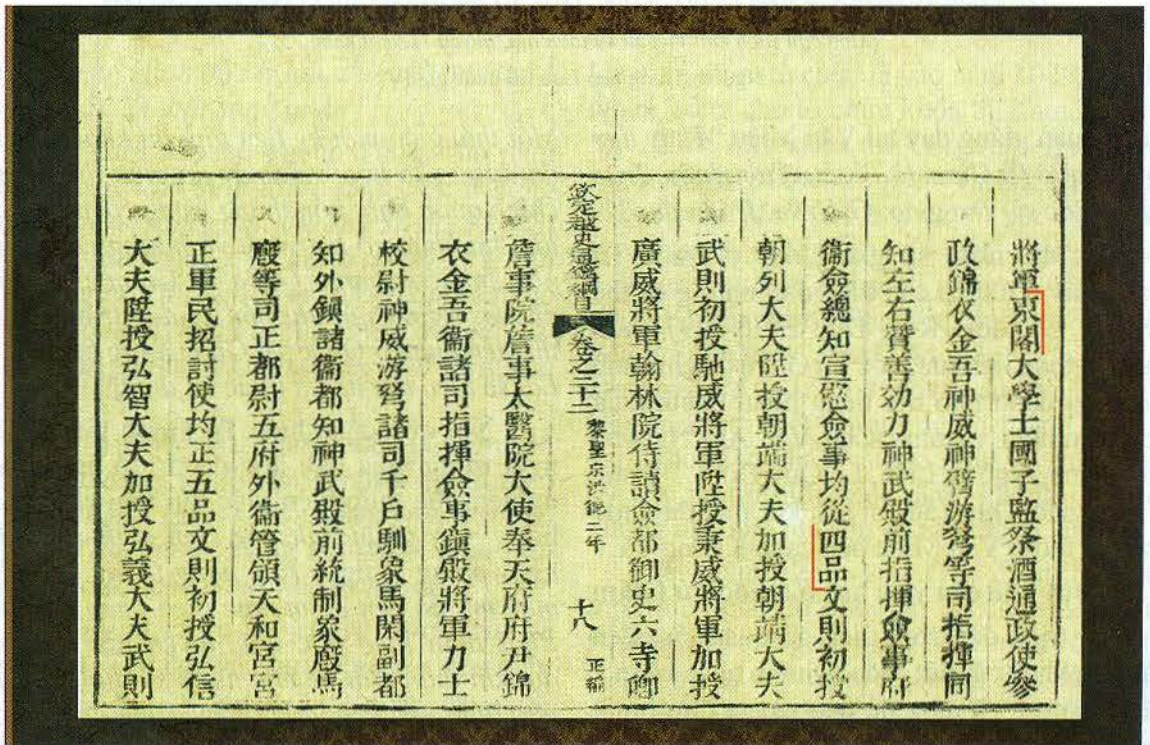
2. Học trò và người được giảng dạy trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Văn Miếu – Quốc Tử Giám lúc đầu chỉ dành cho các hoàng tử, công chúa trong hoàng tộc học tập, sau này mở rộng thêm là những người tuần tú trong nhân dân. Vào năm 1428, vua Lê Thái Tổ đã quy định tiêu chuẩn chọn vào học ở Quốc Tử Giám “Nhà vua khi mới lập quốc, để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài: trong kinh thì lập Quốc Tử Giám, lựa con cháu nhà các quan và những người tuần tú

trong nhân dân sung làm Giám sinh; ngoài các lộ thì lập trường học ở từng lộ, lựa các con em những nhà lương thiện trong dân gian sung làm lộ hiệu sinh; cử những nhà nho đáng làm thầy đứng ra dạy dỗ”⁸.

Sĩ tử được tuyển vào Quốc Tử Giám phải là những người đã đỗ 4 kỳ thi Hương và trải qua một kỳ kiểm tra ở Bộ Lễ nếu thành tích xuất sắc mới được nhận vào làm Giám sinh để học chuẩn bị dự thi Hội.

Người giảng dạy trong Văn Miếu Quốc Tử Giám đều là những vị quan giỏi do vua trực tiếp tuyển chọn. Ở thời Lý, những người làm nhiệm vụ giảng dạy đều chưa có chức danh cụ thể. Đến thời Hồng Đức thế kỷ XV, vua Lê đã ban các chức danh làm việc trong Quốc Tử Giám, “Hồng Đức Thiên nam dư hạ tập” phần “quan tước về văn giai, võ giai” thì đứng đầu Quốc Tử Giám là viên Tế tửu⁹: Phụng mệnh trông coi Văn Miếu - Quốc Tử Giám, rèn tập sĩ tử và kiêm luôn làm chủ tế của Văn Miếu. Vào năm 1448, vua Lê Nhân Tông đã quy định rõ về các



Quy định về chức danh đứng đầu Quốc Tử Giám là viên Tế tửu

(Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 22, mặt khắc 18)

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV



Quy định về các ngạch quan giảng dạy tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám dưới triều vua Lê Nhân Tông, năm 1448
(Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 11, mặt khắc 75)

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

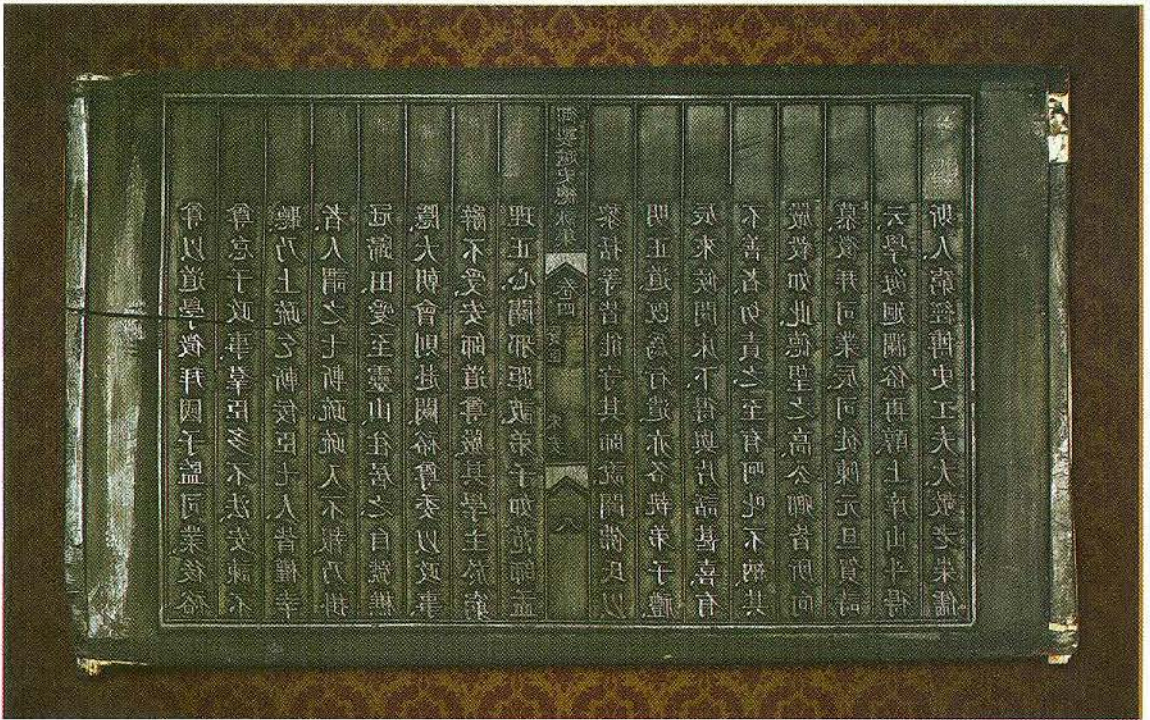
ngạch quan giảng dạy tại Văn Miếu “Thầy dạy trong Quốc Tử Giám là Tế tửu, Tư nghiệp, Trực giảng, Bác sĩ, Trợ giáo, Giáo vụ, Huấn đạo”¹⁰. Mặc dù, nhân sự giảng dạy ở Quốc Tử Giám thay đổi theo các triều đại, nhưng có thể thấy thời Lê (đời Hồng Đức 1470-1497) làm chuẩn. Trong lịch sử Quốc Tử Giám đã ghi danh những vị danh nho nổi tiếng hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ như: Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh, Ngô Sĩ Liên, Lê Quý Đôn... Trong đó nhà giáo Chu Văn An sau khi mất đã được đưa vào thờ ở Văn Miếu bên cạnh Khổng Tử.

3. Quy chế của việc học ở Quốc Tử Giám

Các triều đại trong lịch sử quan tâm đến giáo dục khoa cử một cách nghiêm ngặt, có quy chế một cách rõ ràng để đào tạo ra được một người có ích. Khi người học trò đạt qua các bước quy định đều được nhà vua trọng dụng và cất nhắc “...Con cháu các công thần văn, võ đều được vào học cùng với các học trò khác.

Mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, thi khảo học trò đã được vào học, việc này do giáo thụ và học chính quản lĩnh; bốn tháng trọng có một kỳ đại tập, thi khảo có học sinh và hương cống, việc này do viên quan ở Quốc Tử Giám chịu trách nhiệm. Người nào thi bốn kỳ đều trúng tuyển, thi viên quan ở Quốc Tử Giám đứng bảo cử, bộ Lại sẽ theo thứ tự cất nhắc bổ dụng”¹¹.

Nội quy của Quốc Tử Giám rất nghiêm ngặt trong việc dạy học để từ đó người học nghiêm túc thực hiện việc dùi mài chữ thánh hiền, “Các giám sinh, nho sinh, sinh đồ cứ đến ngày mùng 1, ngày rằm hàng tháng đều phải mặc mũ áo đến điểm mục theo phép đã định. Phải tuân theo học quy, luyện tập văn bài, đợi khi thành tài để nhà nước sử dụng. Người nào dám chạy chọt cầu may, rong chơi ngoài đường, bỏ trễ việc học, thiếu 1 lần điểm mục thì phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu 3 lần thì đánh 40 roi, thiếu điểm mục 4 lần thì kiểm xét tâu



Vua Trần Minh Tông cử Chu Văn An giữ chức Tư nghiệp tại Quốc Tử Giám
(Mộc bản sách Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập, quyển 4, mặt khắc 8)

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

lên giao cho Hình bộ xét hỏi, thiếu điểm mục 1 năm thì tâu lên bắt sung quân”¹².

Dưới thời vua Lê Thánh Tông, vào năm 1483 “các Giám sinh được chia làm 3 hạng gọi là tam xá sinh gồm: thượng xá đỗ 3 kỳ thi Hội, trung xá thi đỗ 2 kỳ, hạ xá thi đỗ 1 kỳ, mỗi xá thường có 100 người và được cấp tiền kho theo thứ bậc để học tập rèn luyện để chờ Lại bộ và quan Quốc Tử Giám tiến cử bổ dùng vào việc nước”¹³.

Học trò ở Quốc Tử Giám luôn được khuyến khích tu dưỡng, rèn luyện. Những người theo học “phải noi theo khuôn phép nhà trường, luyện tập học hành, mong trở thành người tài giỏi, để bổ ích cho công việc trong nước”¹⁴.

4. Việc tổ chức thi cử và dựng bia đề danh tiến sĩ và các vị Trạng nguyên tiêu biểu

Trong các triều đại việc thành lập và tu sửa Quốc Tử Giám luôn được nhà vua quan tâm. Bên cạnh việc dạy và học, nhà vua luôn quan tâm đến việc tổ chức các khoa thi để chọn được người hiền tài ra giúp đất nước. Bắt đầu các

khoa thi được tổ chức là vào năm 1075, vua Lý Nhân Tông cho tổ chức khoa thi Tam Trường. Mục đích của khoa thi “Thi Tam Trường để chọn Minh Kinh bác học: Tuyển lấy những người minh kinh bác học và thi nho học bằng ba kỳ thi. Lê Văn Thịnh đỗ đầu, được lựa vào hầu vua học tập. Khoa cử nước ta bắt đầu từ đây”¹⁵. Đến năm 1195, triều đình nhà Lý “Bắt đầu thi tam giáo. Đem Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo để thi kẻ sĩ. Ai đỗ thì cho xuất thân”¹⁶. Đây là kỳ thi xét những người thông hiểu cả đạo Nho, đạo Giáo và đạo Phật, vì trong thời kỳ này người giúp việc nước không chỉ gồm những nhà nho mà còn có cả tăng ni, đạo sĩ.

Đến năm 1232, vua Trần Thái Tông đã thực hiện chế độ khoa cử để chọn người tài ra giúp nước. Ngoài phép thi Tam trường như đời trước lại mở thêm khoa thi Thái học sinh, chia làm Tam giáp để phân biệt cao thấp (Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp, Đệ tam giáp). Tại khoa thi Thái học sinh năm 1247, nhà Trần lại đặt ra danh hiệu Tam khôi gồm: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa “trước đây, thi lấy học trò



Vua Lý Cao Tông cho mở khoa thi Tam giáo, năm 1195
(Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 5, mặt khắc 26)
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

đỗ, chỉ chia ra hạng Giáp, hạng Ất để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp. Nay mới đặt ra tam khôi, lấy Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa. Còn 48 người đỗ Thái học sinh đều được xuất thân theo thứ tự trên dưới khác nhau”¹⁷. Đỗ đầu khoa thi này là Nguyễn Hiền, ông được coi là vị Trạng nguyên trẻ nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam, khi ấy Nguyễn Hiền mới 13 tuổi, người huyện Thượng Nguyên, đỗ Bảng nhãn là Đặng Ma La, 14 tuổi, người ở Mỹ Lương, đỗ Thám hoa là Lê Văn Hưu người huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đến đời vua Lê Thánh Tông, thể lệ các kỳ thi đã được dần ổn định, để con đường học vấn được nâng cao thì các sĩ tử thời phong kiến phải trải qua ba cửa ải lớn, đó là thi Hương (Hương thi), thi Hội (Hội thi) và thi Đình (Đình thi).

Thi Hương là kỳ thi được tổ chức tại các trường thi ở nhiều tỉnh thành (từ Hương do nghĩa khu vực quê hương của người thi). Điều kiện để dự thi Hương đã được quy định cụ thể

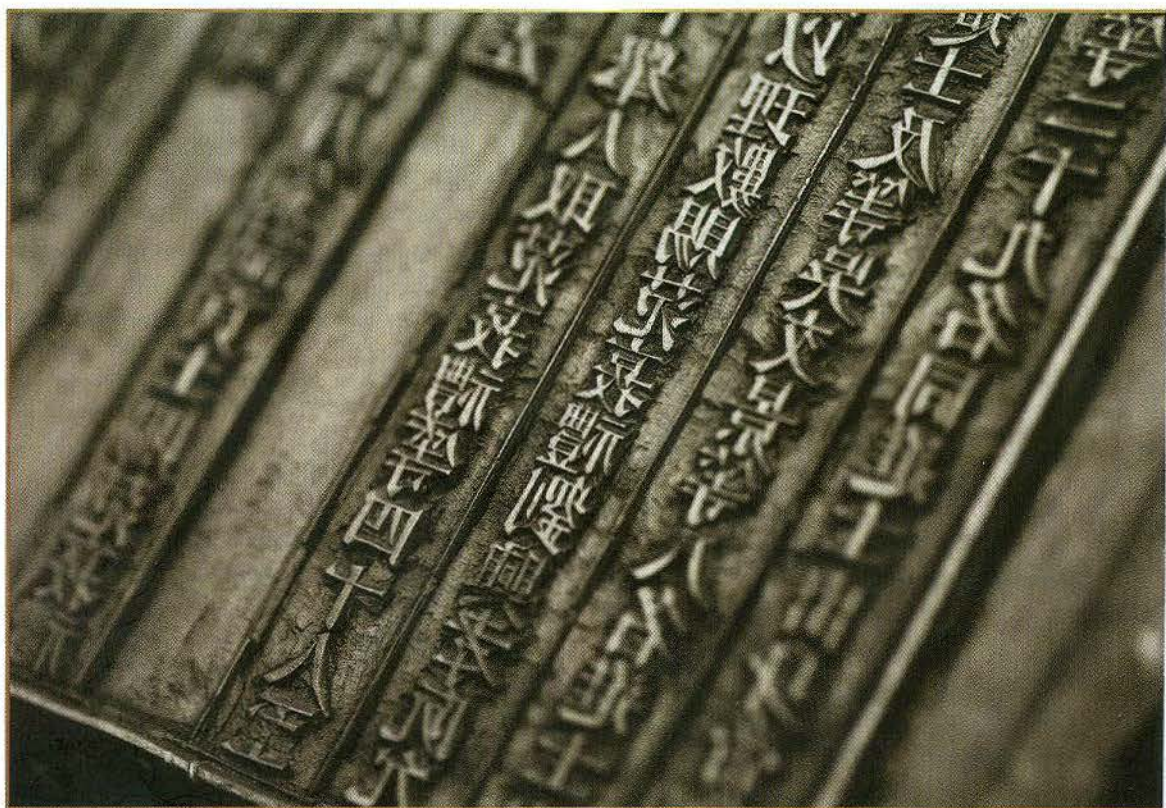
từ năm 1462, đời vua Lê Thánh Tông như “Thí sinh phải nộp căn cước, khai rõ phủ, huyện, xã, tuổi tác cùng là chuyên học kinh nào, lý lịch ông cha ra sao, không được gian dối, giả mạo”. Theo quy định từ năm 1434, thi Hương có 4 kỳ. (Kỳ I: kinh nghĩa, thư nghĩa; Kỳ II: chiếu, chế, biểu; Kỳ III: thơ phú; Kỳ IV: văn sách).

Thi Hội là khoa thi 3 năm được tổ chức một lần ở cấp trung ương do Bộ Lễ tổ chức. Chỉ những người đã đỗ thi Hương mới được quyền dự thi Hội. Người dự thi phải trải qua 4 kỳ, kỳ đệ nhất thi Tứ Thư, Ngũ Kinh; kỳ đệ nhị thi chế, chiếu, biểu; kỳ đệ tam thi thơ và phú; kỳ đệ tứ thi Văn sách. Người đỗ đầu gọi là Hội Nguyên.

Thi Đình là kỳ thi cao nhất được tổ chức tại sân đình nhà vua. Nhà vua trực tiếp ra đầu đề và sau khi hội đồng giám khảo hoàn thành việc chấm bài, cân nhắc điểm số, chính nhà vua tự tay phê lấy đỗ. Người đỗ đầu gọi là Đình Nguyên. Người đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương, Hội, Đình được gọi là Tam Nguyên.

Năm 1484, với chủ trương đề cao Nho học và tôn vinh bậc tri thức Nho học đỗ đại khoa, vua Lê Thái Tông đã hạ lệnh xuống chiếu cho dựng các tấm bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám khắc tên các nhà đỗ đạt tại khoa thi năm 1442. “Tháng 3, mùa xuân. Thi đối sách để tuyển lấy tiến sĩ. Trước kia, đã bàn đặt khoa tiến sĩ, đến đây, cho vào điện đình để thi đối sách, ban cho từ Nguyễn Trữ trở xuống 33 người đỗ tiến sĩ cấp đệ, xuất thân, đồng xuất thân có khác nhau. Lại sai dựng bia khắc bài văn nói về việc mở khoa thi tiến sĩ và đề tên những người đã đỗ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây”¹⁸. Vì thế, bia Tiến sĩ không chỉ mang ý nghĩa lưu danh khuyến khích người hiền tài giúp nước mà còn là biểu tượng lịch sử văn hóa về nền giáo dục khoa cử Việt Nam. Các tiến sĩ có tên niêm yết trên bảng vàng sẽ được ban yến tiệc trong cung, được bề kiển hoàng thượng, ngắm hoa tại vườn ngự uyển, cưỡi ngựa dạo khắp kinh

thành, rồi vinh quy bái tổ. Phần thưởng cao quý nhất cho tiến sĩ là được khắc tên vào bia đá đặt ở Văn Miếu để lưu danh muôn đời. Sau này “bảng vàng đề tên người đỗ tiến sĩ trước kia treo yết ở cửa Đông Hoa. Đến nay, nhà vua sai bộ Lễ cho phường nhạc đi trước cử nhạc, rước bảng vàng yết ở cửa nhà Thái học. Việc này từ đây về sau dùng làm thể lệ lâu dài”¹⁹, thậm chí “Tư thiên giám chọn ngày tốt, hoàng thượng ngự điện Kính Thiên, sai truyền loa xướng tên người thi đỗ, trăm quan mặc triều phục chúc mừng. Mấy năm trước bảng vàng treo ngoài cửa Đông Hoa, năm nay sai bộ Lễ rước bảng có trống nhạc dẫn trước, đem treo ngoài cửa nhà Thái học, cốt khiến cho sĩ tử nhìn thấy mà thêm phần khích lệ. Ân vinh ban theo thứ bậc, thầy đều theo lệ cũ. Quan bộ Công theo lệ khắc đá đề tên để truyền tới lâu dài”²⁰ hay “Ngày hôm đó, hoàng thượng ra ngự ở cửa điện Kính Thiên dự lễ xướng danh, trăm quan mặc triều



Phạm Đôn Lễ đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ (Trạng Nguyên) khoa thi năm Tân Sửu (1481) dưới triều vua Lê Thánh Tông
(Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 23, mặt khắc 35)

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

phục chúc mừng. Quan bộ Lễ rước bằng vàng ra treo trước cửa nhà Quốc học, sĩ tử cùng người dân trong nước kéo nhau tới xem, đều bảo khoa Tiến sĩ thứ nhất đời Khánh Đức chọn được nhân tài rất nhiều, thật là vận hội tốt đẹp đời nay vậy. Tiếp đó ban cấp ân điển để có chức hàm về vàng, ban phẩm phục để ăn mặc đẹp đẽ; ban dự yến Quỳnh Lâm để nêu việc tốt của Nho khoa, cho vinh qui về làng để sáng tỏ sự tốt lành của thời đại thánh triều. Nghi thức ban thưởng nhất nhất theo lệ đều cử hành, lễ đãi hiền thật rất đầy đủ vậy. Đến nay lại theo lệ cũ, sai khắc đá đề tên, đặc sai các từ thần chia soạn bài văn bài ký”²¹.

Đến triều Nguyễn, trong các hội thi khi tiến sĩ vinh quy bái tổ đều được Bộ Lễ dâng Bản tấu về việc cấp dịch cho các tân tiến sĩ vinh quy. Đến năm Tự Đức 20 (1867), Bộ Lễ dâng Bản tấu về việc những người thi đỗ được chiêm bái nhà Vua. Hay bản tấu của quan viên Bộ Lễ, Bộ Công về việc lập, ghi tên các Tiến sĩ năm Tự Đức 23 (1870)²². Bên cạnh đó, triều Nguyễn còn có cuốn Quốc Triều hương khoa lục – ghi chép danh sách những người đỗ đạt cao, 47 khoa thi Hương từ khoa đầu tiên năm 1807 đến khoa cuối cùng 1918 dưới triều Nguyễn.

Có thể nói “nhân tài là tinh anh của quốc gia, khoa cử là đường rộng phẳng của sĩ tử. Phép chọn lấy sĩ tử của quốc gia ta làm theo phép đời cổ, đã đầy đủ lại rõ ràng; nhưng phép lập lâu ngày, sau sinh ra tệ: kẻ thường tài được lạm tuyển, người thực học còn bị bỏ rơi, việc thủ xả phần nhiều không làm hài lòng bọn sĩ tử. Nếu phép thi cử không nghiêm, thì không làm thế nào ngăn ngừa được thói cầu may mà tuyển lấy nhân tài chân chính được.”²³. “Trải xem các đời đế vương anh minh tài giỏi từ xưa muốn dựng nền trị trị đều phải lấy sự thu hút nhân tài làm cốt yếu, không đời nào không coi trọng khoa mục. Các văn nhân tài sĩ muốn lập huân danh sự nghiệp để lưu tiếng ở đời, đại để cũng do con đường khoa mục mà tiến thân, thế thì khoa mục đặt ra là có nguyên do của nó”²⁴.

Chú thích:

1. Trong Bài ký bia Tiến sĩ khoa thi năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo 3 (1442) dưới triều vua Lê Thái Tông, Nguồn: *Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám*

2. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 3, mặt khắc 30, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
3. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 3, mặt khắc 38. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
4. *Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 5, mặt khắc 19. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
5. *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nguyễn Quang Hưng chủ biên, Nxb. Giáo dục -2000, tr 125
6. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 23, mặt khắc 38, 39. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
7. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 32, mặt khắc 40. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
8. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 15, mặt khắc 2 đã chép rằng vào năm 1428, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
9. *Mộc bản sách “Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục chính biên*, quyển 22, mặt khắc 18” Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
10. *Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 11, mặt khắc 75. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
11. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 35, mặt khắc 36. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
12. *Mộc bản sách Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, mặt khắc 12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
13. *Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 23, mặt khắc 39. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
14. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 26, mặt khắc 12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
15. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 3, mặt khắc 33, 34. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
16. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 5, mặt khắc 26. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
17. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 6, mặt khắc 29, 30. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
18. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 17 mặt khắc 21, 22. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
19. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 25 mặt khắc 9. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV
20. Trích Bài ký bia Tiến sĩ khoa thi Nhâm Tuất niên hiệu Cảnh Thống 5 (1502) dưới triều vua Lê Hiến Tông. *Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám*
21. Trích Bài ký bia Tiến sĩ khoa thi năm Canh Dần niên hiệu Khánh Đức 2 (1650) dưới triều vua Lê Thần Tông. *Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám*
22. Bản tấu của quan viên Bộ Lễ, Bộ Công về việc lập ghi tên các tiến sĩ năm Tự Đức 23 (1870). *Châu bản triều Nguyễn - Tự Đức tập 213*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I
23. *Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 24, mặt khắc 34. *Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV*
24. Trích Bài ký bia Tiến sĩ khoa thi năm Nhâm Thìn niên hiệu Quang Hưng 15 (1592) dưới triều vua Lê Thế Tông. *Trung tâm Hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám*